TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 05/2021/LĐ-PT. Ngày: 22-01-2021. *V/v: Tranh chấp về chấm dứt hợp đồng lao động.*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.
- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang và bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Việt Thắng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Thắng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29-12-2020 và ngày 22-01-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Lao động đã thụ lý số 31/2020/TLPT-LĐ ngày 13-10-2020, do Bản án Lao động sơ thẩm số 02/2020/LĐ-ST ngày 22-7-2020 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2020/QĐXX-PT ngày 18-12-2020.

Vụ án xét xử giữa các đương sự:

- Nguyên đơn (kháng cáo): Ông NQT, sinh năm 1962.

Nơi đăng ký NKTT: Số 55, ngõ 612/79 đường La Thành, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Thôn Yên Phú, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, (*có mặt tại phiên tòa*).

- Bị đơn: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P.

Địa chỉ trụ sở: Số 6 - C17, khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Việt Cường, chức vụ: Phó tổng giám đốc và bà Phạm Thị Minh Huệ, chức vụ: Phó phòng tổ chức hành chính, (*có mặt tại phiên tòa*).

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Tại Điều 1 Quyết định số 37/QĐHĐQT ngày 13-4-2006 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Ứng dụng Công nghệ mới và Du lịch đã: Sáp nhập Trung tâm Tư vấn thiết kế và Xây dựng (trực thuộc Công ty Đầu tư phát triển Điện lực và Hạ tầng - P)

vào Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp Điện lực (trực thuộc Công ty Đầu tư phát triển Điện lực và Hạ tầng - P) và đổi tên thành Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P (trực thuộc Công ty Đầu tư phát triển Điện lực và Hạ tầng - P) kể từ ngày 01-5-2006.

Ông NQT là nhân viên của Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P theo chủ trương sáp nhập này.

Ông NQT cho rằng thiết lập quan hệ lao động với Công ty Đầu tư phát triển Điện lực và Hạ tầng - P (sau đây gọi tắt là Công ty P) từ ngày 01-5-2006 dưới dạng hợp đồng không xác định thời hạn. Công việc của ông NQT làm theo sự phân công của Giám đốc Công ty, chủ yếu là thi công các công trình xây dựng của các gói thầu do Công ty ký với đối tác. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi gắn với việc hoàn thành công trình được phân công, không quy định rõ số giờ làm việc trong ngày, số ngày làm việc trong tháng cũng như ngày lễ, ngày tết. Lương và phụ cấp được hưởng như sau:

- Từ tháng 5-2006 đến tháng 12-2009 là 3.112.650 đồng/tháng.
- Từ tháng 01-2010 đến tháng 12-2010 là 3.511.300 đồng/tháng.
- Từ tháng 01-2011 đến tháng 9-2011 là 3.992.300 đồng/tháng.

Từ tháng 01-2010 Công ty P chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho ông NQT đến hết tháng 9-2011 mà không trả lương, trong khi ông NQT vẫn làm việc bình thường đến tháng 12-2011 thì hoàn thành xong công việc được giao theo Lệnh sản xuất.

Ông NQT khai từ tháng 01-2012 được Công ty P giao nhiệm vụ đi giao dịch với các đối tác, tham gia đấu thầu, tham gia kiểm toán các công trình đã hoàn thành. Đến tháng 11-2015 ông NQT đã hoàn thành công việc kiểm toán. Từ tháng 12-2015 đến nay ông NQT không được giao việc làm, không được Công ty P trả lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và cũng không có bất cứ văn bản gì thể hiện chấm dứt hợp đồng lao động.

Đến ngày 15-02-2019 Công ty P trả Sổ bảo hiểm xã hội cho ông NQT.

Ngày 11-6-2019 ông NQT khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm với yêu cầu: Đòi quyền lợi do chấm dứt hợp đồng lao động không đúng pháp luật.

Quan điểm của ông NQT như sau: Quan hệ lao động giữa hai bên xác lập dưới dạng hợp đồng không xác định thời hạn. Nếu Công ty P không giao việc, không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động nữa thì ông NQT cũng chấp nhận nhưng phải ký văn bản chấm dứt hợp đồng lao động, đồng thời Công ty P phải chịu trách nhiệm trả lương, trả tiền lãi đối với khoản tiền lương chưa thanh toán và phải đóng bảo hiểm xã hội đến khi Bản án giải quyết tranh chấp lao động có hiệu lực pháp luật, hoặc đến khi hai bên ký văn bản chấm dứt hợp đồng lao động theo mức lương 3.992.300 đồng.

Số tiền ông NQT tạm tính từ tháng 01-2010 đến thời điểm tháng 01-2020 như sau:

Tiền lương là 473.298.000 đồng.

Tiền lãi chậm thanh toán lương là 312.343.000 đồng.

Cộng là **786.644.000** đồng.

Ông NQT còn yêu cầu Công ty P trả toàn bộ giấy tờ liên quan đến lý lịch nhân thân.

* Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P trình bày:

Tháng 5-2006 Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P (nay là Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P) nhận ông NQT về làm việc. Khi Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P thực hiện cổ phần hóa, theo Điều 4 Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 11-8-2009 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P thì người lao động đang làm việc tại các Chi nhánh sẽ được tiếp nhận vào Công ty cổ phần. Khi chuyển đổi Xí nghiệp thành Công ty cổ phần thì pháp luật điều chỉnh là Luật Doanh nghiệp, do vậy người lao động và Công ty P phải thiết lập quy định mới về việc sử dụng lao động mà không điều chỉnh bằng Luật Công chức, Luật Viên chức. Theo đó, người lao động phải ký lại hợp đồng lao động.

Công ty P đã thông báo trên bảng tin nội dung nêu trên, hầu hết người lao động có nguyện vọng làm việc đều thực hiện việc ký hợp đồng lao động. Riêng ông NQT không ký hợp đồng lao động và không đến làm việc từ tháng 8-2009. Ông NQT cũng gửi đơn đề ngày 15-4-2010 xin chuyển công tác.

Lý do Công ty P vẫn tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho ông NQT đến hết tháng 11-2011 là vì ông NQT có mối quan hệ thân thiết với lãnh đạo Công ty P nên nhờ đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian chuyển công việc. Ông NQT gửi nộp 100% tiền bảo hiểm bao gồm cả số tiền bảo hiểm xã hội mà lẽ ra người sử dụng lao động phải nộp.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty P không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông NQT vì:

- Sau khi cổ phần hóa, ông NQT không đến ký hợp đồng lao động, không đến làm việc nên Công ty P không thể trả lương. Theo quy định của pháp luật, sau 03 tháng không đến làm việc được xác định là ông NQT đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Quan điểm của ông NQT cho rằng vẫn tồn tại quan hệ lao động với Công ty P thông qua 04 Lệnh sản xuất thi công xây dựng Công trình nhà máy nhiệt điện Hải Phòng, Công trình đoàn kinh tế Quốc phòng 314 Hà Giang, Công trình Trại giam Phú Sơn và Công trình thủy nông Cấu Hán Hà Giang là không đúng, vì đây là những công trình xây dựng mà ông NQT nhận khoán theo Lệnh sản xuất từ thời Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P. Theo đó: Các khoản tiền lương, chi phí đều được

hạch toán trong các Lệnh sản xuất. Nội dung này đã được thể hiện và giải quyết tranh chấp tại Bản án Kinh doanh thương mại số 39/2019/KDTM-PT ngày 26-4-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty P khẳng định tình tiết này không là mối quan hệ lao động với ông NQT.

- Về giấy tờ nhân thân như Hồ sơ, Lý lịch Đảng viên: Công ty P không là tổ chức Đảng nên không có trách nhiệm lưu trữ và trả ông NQT.

* Lời khai của anh Lại Anh Khoa ngày 26-5-2020 và kết quả đối chất với ông NQT ngày 05-6-2020 vẫn khẳng định: Sau khi cổ phần hóa thì cả anh Lại Anh Khoa và ông NQT không ký hợp đồng lao động với Công ty P. Có việc ông NQT nhờ và Công ty P đồng ý nộp hộ bảo hiểm xã hội. Ông NQT đã nhờ anh Lại Anh Khoa làm đơn xin đóng bảo hiểm hộ và gửi tiền cho anh Lại Anh Khoa theo quý để đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 9-2009 đến tháng 12-2011. Sau đó anh Lại Anh Khoa không liên lạc được với ông NQT để chuyển tiền, nên từ đó Công ty P không đóng bảo hiểm cho ông NQT nữa.

Với nội dung như trên, tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2020/LĐ-ST ngày 22-7-2020 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã căn cứ: Điều 15, khoản 1 Điều 16, Điều 36, Điều 41, Điều 43, Điều 45, khoản 1 Điều 201, khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án để quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông NQT về việc: "Tranh chấp hợp đồng lao động liên quan đến tiền lương, bảo hiểm xã hội và nội dung khác có liên quan" đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về việc miễn án phí Lao động sơ thẩm cho ông NQT và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm, ngày 24-7-2020 và 06-8-2020 ông NQT nộp đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do:

- Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm cho ông NQT không thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng, dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp không được bảo vệ theo pháp luật.

- Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của ông NQT.

- Kết luận trong bản án không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

- Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 214, Điều 216 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông NQT giữ yêu cầu khởi kiện, quan điểm kháng cáo và cho rằng không phải ký lại hợp đồng sau khi cổ phần hóa. Trách nhiệm ký lại hợp đồng theo Điều 4 Nghị quyết 09/NQ-HĐQT ngày 11-8-2009 là của Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P với Công ty P chứ không thuộc trách nhiệm của người lao động. Tại thời điểm đó ông NQT có đơn xin chuyển công tác nhưng Công ty P không giải quyết nên vẫn tồn tại quan hệ lao động. Ông NQT phủ nhận tình tiết Công ty P trình bày về nhờ đóng bảo hiểm xã hội.

- Bà Phạm Thị Minh Huệ là Người đại diện theo ủy quyền của Công ty P đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông NQT vì thực tế giữa hai bên không tồn tại quan hệ lao động do ông NQT không ký hợp đồng lao động, không nhu cầu và không đến làm việc. Tại thời điểm đó ông NQT thực hiện những công việc còn lại theo Lệnh sản xuất dưới hình thức khoán, như: quyết toán, bảo hành. Ngoài ra Công ty P không xác lập mối quan hệ lao động, việc làm gì với ông NQT. Thực tế ông NQT và Công ty P xảy ra tranh chấp liên quan đến việc thực hiện Lệnh khoán sản xuất, ông NQT còn không đến Công ty P để giải quyết tranh chấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Hoạt động thụ lý của Tòa án và tiến hành tố tụng của Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã được tạo điều kiện để thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Có cơ sở xác định giữa ông NQT và Công ty P không còn tồn tại mối quan hệ lao động, việc làm kể từ sau khi Công ty P cổ phần hóa, thể hiện bằng việc ông NQT không đến ký hợp đồng, không đến làm việc. Do đó, ông NQT khởi kiện vì Công ty P không giao việc, không trả lương, không đóng bảo hiểm là không cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông NQT để giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của ông NQT nộp trong thời hạn và thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí nên kháng cáo là hợp lệ.

[2]. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 32 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xác định vụ án "Tranh chấp hợp đồng

lao động liên quan đến tiền lương, bảo hiểm xã hội và nội dung khác có liên quan" là không chính xác. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Từ lý do khởi kiện của ông NQT và ý kiến phản đối của Công ty P cho thấy hai bên tranh chấp về việc chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường thiệt hại, trợ cấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tranh chấp này không bắt buộc phải thực hiện thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động. Tuy nhiên cần sửa lại cách tuyên án của Bản án sơ thẩm.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện:

Công ty P cho rằng ông NQT không ký hợp đồng lao động khi thực hiện cổ phần hóa nên đã chấm dứt quan hệ lao động, việc làm và không trả lương cho ông NQT từ năm 2009. Ông NQT cho rằng từ tháng 10-2011 không được trả lương và từ tháng 12-2015 Công ty P không giao việc nhưng không đề nghị giải quyết là hết thời hiệu 01 năm để khởi kiện tranh chấp lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, mặc dù chấm dứt quan hệ lao động và việc làm từ 2009 nhưng đến ngày 15-02-2019 Công ty P mới trả Sổ bảo hiểm cho ông NQT. Đây được coi là thời điểm cuối cùng ông NQT biết mình bị chấm dứt hợp đồng lao động. Mặt khác, trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn là Công ty P không ý kiến phản đối về thời hiệu khởi kiện nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 149 và Điều 157 Bộ luật Dân sự để xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp lao động của ông NQT là phù hợp.

Về nội dung:

Nội dung kháng cáo đồng thời là lý do khởi kiện của ông NQT ở 02 vấn đề: Xác định quan hệ lao động, việc làm và không được trả lương. Thấy rằng:

[5]. Trước năm 2006 thì ông NQT là người lao động làm việc tại Công ty Đầu tư phát triển Điện lực và Hạ tầng. Theo Điều 1 Nghị quyết số 37/NQ-HĐQT ngày 13-4-2006 của Tổng công ty Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch đã sáp nhập Trung tâm Tư vấn thiết kế và Xây dựng với Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp Điện lực (cùng trực thuộc Công ty Đầu tư phát triển Điện lực và Hạ tầng - P) thành Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P.

Sau khi cổ phần hóa đã giải thể một số Chi nhánh trực thuộc đổi thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P.

Tại Điều 4 Nghị quyết 09/NQ-HĐQT ngày 11-8-2009 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Điện lực và Hạ tầng Việt Nam - P đã nêu rõ những người lao động đang làm việc tại Công ty phải liên hệ với lãnh đạo các Công ty sau khi giải thể thành lập mới để ký kết hợp đồng lao động. Mặc dù Công ty P đã thông báo và bản thân ông NQT cũng thừa nhận biết thông tin này nhưng không đến làm thủ tục ký hợp đồng lao động. Ông NQT cho rằng việc ký hợp đồng không phải thực hiện

giữa Công ty P với mình mà là do Công ty cũ và Công ty mới sau cổ phần hóa ký với nhau. Cách hiểu của ông NQT đưa ra là không cơ sở vì Hợp đồng lao động được xác lập giữa Người lao động với Người sử dụng lao động chứ không ký giữa 2 bên là chủ thể sử dụng lao động. Thực tế nhiều người lao động của Công ty P đã thực hiện việc ký hợp đồng lao động để xác nhận nguyện vọng tiếp tục làm việc sau khi Công ty P cổ phần hóa, riêng ông NQT không ký hợp đồng.

Đồng thời có cơ sở xác định tại thời điểm đó ông NQT không thiện chí làm việc tại Công ty P, thể hiện bởi tình tiết ông NQT thừa nhận có nộp Đơn xin chuyển công tác đề ngày 15-4-2010 với nội dung: "*Nay Xí nghiệp đã cổ phần, tôi không tham gia cổ phần trong Công ty nữa, tôi đã liên hệ với Công ty NEWTACO và được tiếp nhận để làm việc tại Công ty TNHH Đồng Tâm*". Việc ông NQT không đến làm việc còn thể hiện tại Biên bản ngày 01-10-2009 của Công ty P. Cũng tại Đơn xin chuyển công tác đề ngày 15-4-2010 của ông NQT nêu: "*Tính đến 31-12-2009 tôi đã thực hiện quyết toán, làm nghĩa vụ đầy đủ với Xí nghiệp và đã thống nhất được số liệu với kế toán*", và: "*Những gì còn tồn đọng và liên quan sẽ cùng Công ty và chủ đầu tư giải quyết theo quy định của pháp luật*".

[6]. Về việc ông NQT đóng Bảo hiểm xã hội đến hết tháng 11-2011:

Lời khai của Công ty P phù hợp với lời khai Người làm chứng là anh Lại Anh Khoa, người từng là nhân viên nhưng nay không còn làm việc tại Công ty P, cho thấy ông NQT có nhờ Công ty P nộp Bảo hiểm xã hội dưới hình thức: Ông NQT chuyển tiền để nộp 100% Bảo hiểm xã hội. Ông NQT đã gửi tiền thông qua anh Lại Anh Khoa theo từng quý. Đến tháng 11-2011 thì ông NQT không chuyển tiền nữa nên Công ty P không đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12-2011. Việc Công ty P cho ông NQT gửi đóng Bảo hiểm xã hội như trên là trái pháp luật, đồng thời không là cơ sở xác định ông NQT là người lao động của Công ty P.

Tại Văn bản số 436/BHXH-KT ngày 26-5-2020 của Bảo hiểm xã hội quận Thanh Xuân đã nêu việc ông NQT không làm việc, hưởng lương tại Công ty P là không thuộc đối tượng đóng Bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội quận Thanh Xuân cũng cung cấp thông tin về thời điểm phát sinh và chấm dứt nghĩa vụ nộp Bảo hiểm xã hội, chốt Sổ bảo hiểm xã hội đối với ông NQT hoàn toàn phù hợp với các tình tiết của vụ án.

Ông NQT cho rằng vẫn làm việc cho Công ty P đến 2015 là không phù hợp. Chứng cứ trong hồ sơ và thừa nhận của các bên đương sự cho thấy: Sau thời điểm cổ phần hóa ông NQT chỉ thực hiện những công việc còn lại mà trước đó nhận khoán theo Lệnh sản xuất từ thời Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P. Đó là các Lệnh sản xuất số 71/QĐ-ĐTXL ngày 02-11-2006 thi công gói thầu thủy nông Hậu Cấn tại tỉnh Hà Giang, Lệnh sản xuất số 921/QĐ-ĐTSL ngày 26-12-2007 thi công

Doanh trại đoàn kinh tế Quốc phòng 314 tại tỉnh Hà Giang, Lệnh sản xuất số 89/QĐ-ĐTSL ngày 05-12-2006 thi công gói thầu tại Nhiệt điện Hải Phòng và Lệnh sản xuất thi công gói thầu K6 Trại giam Phú Sơn tại tỉnh Thái Nguyên. Xem xét nội dung Lệnh sản xuất cho thấy đây là quan hệ giao khoán giữa Xí nghiệp Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P với ông NQT. Trách nhiệm của ông NQT phải hoàn thành xong các gói thầu thì được hưởng lãi, phần trăm. Quan hệ giao khoán này đã phát sinh tranh chấp giữa ông NQT với Công ty P và được giải quyết bằng Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 39/2019/KDTM-PT ngày 26-4-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Như vậy, có cơ sở xác định từ tháng 10-2009 ông NQT và Công ty P đã chấm dứt quan hệ lao động; không có cơ sở xác định Công ty P vi phạm nghĩa vụ về hợp đồng lao động đối với ông NQT. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã căn cứ Điều 15, khoản 1 Điều 16, Điều 36, Điều 41, Điều 43, Điều 45 để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NQT là có căn cứ. Quá trình xét xử phúc thẩm, ông NQT không cung cấp được chứng cứ nào khác nên không cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[7]. Về án phí: Mặc dù bị bác yêu cầu khởi kiện và không được chấp nhận kháng cáo nhưng do tranh chấp về Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí đối với ông NQT.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông NQT.

II. Sửa cách tuyên phần Quyết định của Bản án Lao động sơ thẩm số 02/2020/LĐ-ST ngày 22-7-2020 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông NQT tranh chấp về việc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp kỹ thuật Hạ tầng - P chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Miễn nộp án phí lao động sơ thẩm cho ông NQT.

III. Án phí phúc thẩm: Miễn nộp án phí lao động phúc thẩm cho ông NQT.

IV. Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Lê Trí Cường